

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 24/TTMS-NVD

V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục ĐTTTQG và ĐPG Quý 4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu.

Thực hiện chế độ báo cáo, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo tình hình thực hiện kết quả trúng thầu các thuốc thuộc Danh mục Đầu thầu tập trung cấp Quốc gia đến hết ngày 31/12/2021 của các Nhà thầu và các Sở Y tế, cơ sở y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả Đầu thầu tập trung và Đàm phán giá (chi tiết tại Bảng 1). Trong đó, kết quả thực hiện theo từng danh mục cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện kết quả trúng thầu đầu thầu tập trung đến 31/12/2021:

1. Các gói thầu cung cấp 05 thuốc thuộc Danh mục ĐTTTQG theo Thông tư 09/2016/TT-BYT cho các cơ sở y tế năm 2020-2021 đến hết Quý 4/2021 (hết thời gian thực hiện Thỏa thuận khung):

- Về kết quả thực hiện theo giá trị:

+ Giá trị thực hiện gói Biệt dược gốc là 694 tỷ đồng/1.123,6 tỷ đồng, trung bình đạt 61,78%.

+ Giá trị thực hiện các gói Generic là 659,7 tỷ đồng/661,8 tỷ đồng, trung bình đạt xấp xỉ 100%.

- Về kết quả thực hiện theo hoạt chất: Có 10/17 khoản mục có tỉ lệ thực hiện theo tiến độ từ 80-120% và 07/17 khoản mục còn lại có tỉ lệ thực hiện từ 21-77% (chi tiết tại Bảng 2).

- Về kết quả thực hiện của Sở Y tế tỉnh/thành phố, Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế:

+ Đối với các gói thầu generic: Có 20/55 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 16/31 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu các gói thầu generic đến hết ngày 31/12/2021 dưới 80% (chi tiết tại Bảng 3). Trong đó có 04 Sở Y tế tỉnh/thành phố (Bình Dương, Cà Mau, Đồng Nai và Trà Vinh) và 02 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế (Bệnh viện Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh và Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương) có giá trị phân bổ lớn hơn 1 tỷ và có tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu dưới 50%.

2. Đối với các gói thầu Đàm phán giá:

- Giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2021 (thời gian thực hiện 2/8 Quý) đạt 22,06% (329,3 tỷ đồng/ 1.492,7 tỷ đồng), cụ thể:

+ Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 10ml có tỉ lệ thực hiện đạt 13%;

+ Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 5ml có tỉ lệ thực hiện đạt 15%;

+ Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 1ml có tỉ lệ thực hiện đạt 7%;

+ Thuốc Tienam có tỉ lệ thực hiện đạt 21%;

+ Thuốc Mabthera 500mg thực hiện đạt 30%;

+ Thuốc Nexavar thực hiện đạt 22%.

TOMU

3. Các phụ lục gửi kèm theo dạng file excel để các Cơ sở y tế và Nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết gồm:

- Phụ lục 1: Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia theo Thông tư 09/2016/TT-BYT đến hết 31/12/2021.

- Phụ lục 2: Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc danh mục Đàm phán giá năm 2020 đến 31/12/2021.

II. Tình hình cung ứng thuốc của các Nhà thầu:

Tất cả các nhà thầu đều đủ khả năng để cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế, trừ thuốc Cerebrolysin của Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội do có sự thay đổi cơ sở đóng gói thứ cấp, chưa được Cục Quản lý Dược công bố trong danh sách Biệt dược gốc. Ngày 18/11/2021 và ngày 15/12/2021 Trung tâm đã ban hành các công văn số 573/TTMS-NVD và 602/TTMS-NVD gửi Cục Quản lý Dược đề nghị cho ý kiến về việc thuốc Cerebrolysin thay đổi cơ sở đóng gói thứ cấp có cần được công bố lại trong Danh mục biệt dược gốc không. Tuy nhiên, đến nay Trung tâm chưa nhận được ý kiến trả lời của Cục Quản lý Dược. Vì vậy, Trung tâm chưa có cơ sở xem xét để nhà thầu thay thế thuốc Cerebrolysin với các thông tin thay đổi nói trên và đã thông báo đến các cơ sở y tế tại công văn số 17/TTMS-NVD ngày 14/01/2022.

III. Trung tâm MSTTQG đề nghị các Sở Y tế hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc, BVTW và Nhà thầu một số nội dung như sau:

1. Đối với các cơ sở y tế có tỷ lệ thực hiện các thuốc trúng thầu đấu thầu tập trung quốc gia hiệu lực đến hết ngày 31/12/2021 dưới 80% (chi tiết tại Bảng 3), Trung tâm MSTTQG đề nghị các cơ sở y tế được phân bổ có văn bản giải thích lý do về việc không đảm bảo thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Thông tư 15/2019/TT-BYT gửi về Trung tâm MSTTQG trước ngày 14/02/2022.

2. Đối với các gói thầu đàm phán giá: Các cơ sở y tế có thuốc đã thực hiện dưới 80% số lượng phân bổ theo tiến độ chủ động lập kế hoạch sử dụng thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị.

3. Trường hợp Nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc gây ảnh hưởng đến điều trị, các cơ sở y tế báo cáo ngay về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu, Trung tâm sẽ xử lý theo quy định tại Điều 117-Xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định 63/2014-NĐ-CP và xem xét việc đánh giá khả năng cung ứng thuốc của Nhà thầu tại mục 13- Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Thông tư 15/2019/TT-BYT.

4. Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Trung tâm để cập nhật số liệu chính xác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TT Điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.



Nguyễn Trí Dũng

**BẢNG 1: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU
THEO GÓI THẦU ĐẾN NGÀY 31/12/2021**

STT	Mã gói thầu	Tên gói thầu	Giá trị trúng thầu (Tỷ đồng)	Giá trị thực hiện (Tỷ đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
I. Các gói thầu theo Thông tư 09/2016/TT-BYT:					
1	ĐTTT.BDG.01.2019	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc	1.122,1	694,1	61,78%
2	ĐTTT.generic.02.2019	Cung cấp thuốc generic cho các tỉnh miền Bắc	341,9	319,9	93,5%
3	ĐTTT.generic.03.2019	Cung cấp thuốc generic cho các tỉnh miền Trung	69,5	79,7	114,9%
4	ĐTTT.generic.04.2019	Cung cấp thuốc generic cho các tỉnh miền Nam	251,1	259,9	103,5%
II. Gói thầu Đàm phán giá 2020:					
5	ĐPG.BDG.2020	Cung cấp thuốc Biệt dược gốc theo hình thức Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc	1.492	330	22,06%



**BẢNG 2: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU
THEO HOẠT CHẤT ĐẾN NGÀY 31/12/2021**

TT	Tên Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Nhóm	Số lượng phân bổ (viên/lọ/ống)	Số lượng thực hiện (viên/lọ/ống)	Giá trị phân bổ (Triệu đồng)	Giá trị thực hiện (Triệu đồng)	Tỉ lệ thực hiện (%)
I. 05 thuộc thuộc Danh mục ĐTTTQG theo Thông tư 09/2016/TT-BYT cho các cơ sở y tế năm 2020-2021									
1	Anastrozol	1mg	Lọ	BDG	2.202.888	2.224.124	130.157.637.480	131.412.366.540	101%
2	Anastrozol	1mg	Lọ	Nhóm 1	3.310.370	2.746.944	24.298.115.800	20.162.568.960	83%
3	Anastrozol	1mg	Lọ	Nhóm 2	506.988	352.332	3.721.291.920	2.586.116.880	69%
4	Capecitabin	500mg	Lọ	Nhóm 1	10.759.398	11.832.130	408.857.124.000	449.620.940.000	110%
5	Capecitabin	500mg	Viên	Nhóm 2	2.529.284	1.945.500	22.510.627.600	17.314.950.000	77%
6	Docetaxel	80mg	Viên	BDG	42.195	20.945	381.320.814.255	189.282.248.005	50%
7	Docetaxel	80mg	Viên	Nhóm 1	63.337	53.399	44.304.231.500	37.352.600.500	84%
8	Docetaxel	80mg	Viên	Nhóm 3	50.358	44.347	20.394.234.630	17.959.869.795	88%
9	Docetaxel	80mg	Viên	Nhóm 5	1.249	325	505.826.265	131.620.125	26%
10	Oxaliplatin	100mg	Lọ	BDG	51.147	23.764	377.386.298.208	175.341.818.496	46%
11	Oxaliplatin	100mg	Lọ	Nhóm 1	137.630	118.999	60.650.788.400	52.440.479.320	86%
12	Oxaliplatin	100mg	Lọ	Nhóm 3	67.468	64.690	16.789.411.800	16.098.106.500	96%
13	Oxaliplatin	100mg	Lọ	Nhóm 5	6.079	5.662	1.512.759.150	1.408.988.700	93%
14	Paclitaxel	100mg	Lọ	BDG	60.422	51.004	234.739.470.000	198.150.540.000	84%
15	Paclitaxel	100mg	Lọ	Nhóm 1	72.813	50.017	40.864.694.364	28.070.940.876	69%
16	Paclitaxel	100mg	Lọ	Nhóm 3	75.844	74.202	16.229.857.560	15.878.485.980	98%
17	Paclitaxel	100mg	Lọ	Nhóm 5	5.556	3.384	1.188.928.440	724.142.160	61%

TT	Tên Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Nhóm	Số lượng phân bổ (viên/lọ/ống)	Số lượng thực hiện (viên/lọ/ống)	Giá trị phân bổ (Triệu đồng)	Giá trị thực hiện (Triệu đồng)	Tỉ lệ thực hiện (%)
II. 06 thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế năm 2021-2022									
1	Cerebrolysin	215,2 mg/ml x 10ml	Ống	BDG	2.564.239	331.090	222.970.838.006	28.789.599.860	13%
2	Cerebrolysin	215,2 mg/ml x 5ml	Ống	BDG	361.868	55.910	19.102.287.984	2.951.377.080	15%
3	Cerebrolysin	215,2 mg/ml x 1ml	Ống	BDG	42.742	3.000	695.626.050	48.825.000	7%
4	Tienam	500mg +500 mg	Lọ	BDG	2.710.847	560.803	670.500.896.980	138.709.014.020	21%
5	Mabthera	500mg/50ml	Lọ	BDG	19.210	5.836	378.728.607.800	115.057.790.480	30%
6	Nexavar	200mg	Viên	BDG	497.664	108.600	200.720.830.464	43.801.203.600	22%

B. Quế TOMU

BẢNG 3: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện Trung ương có tỉ lệ thực hiện thấp hơn 80% đối với gói thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế năm 2019-2021 thuộc Thông tư 09/2016/TT-BYT

TT	Đơn vị quản lý / BVTW	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Giá trị thực hiện (VNĐ)	Tỉ lệ thực hiện đến 31/12/2021 (%)
I. Sở Y tế tỉnh/thành phố				
1	Thành phố Hồ Chí Minh	733.194.303.792	515.181.146.267	70%
2	Thành phố Hà Nội	620.404.643.308	480.737.172.222	77%
3	Thành phố Cần Thơ	42.010.221.790	30.175.655.814	72%
4	Tỉnh Thừa Thiên Huế	39.722.427.000	31.774.306.740	80%
5	Thành phố Hải Phòng	39.355.362.573	25.832.136.596	66%
6	Tỉnh Thanh Hoá	16.951.329.148	10.139.413.217	60%
7	Tỉnh Đồng Nai	13.245.678.363	5.348.896.141	40,40%
8	Tỉnh Phú Thọ	11.272.177.750	8.439.655.158	75%
9	Tỉnh Tuyên Quang	5.473.018.300	4.177.152.100	76%
10	Tỉnh Trà Vinh	2.892.791.470	541.592.240	18,70%
11	Tỉnh Cà Mau	2.746.417.760	573.832.596	20,90%
12	Tỉnh Bình Dương	2.209.396.000	1.097.740.260	49,70%
13	Tỉnh Hoà Bình	1.436.795.000	959.796.280	67%
14	Tỉnh Gia Lai	1.071.478.600	783.272.780	73%
15	Tỉnh Sóc Trăng	1.011.208.300	590.502.920	58%
II. Bệnh viện trực thuộc Trung ương				
1	Bệnh viện C Đà Nẵng	267.347.227.200	202.227.573.640	75,60%
2	Bệnh viện Thống Nhất	87.620.612.000	58.152.110.020	66,40%
3	Bệnh viện Nhi Trung ương	75.364.006.160	39.956.402.310	53,00%
4	Bệnh viện Hữu Nghị	30.443.030.900	23.120.736.250	75,90%
5	Bệnh viện Trung ương Huế	30.443.030.900	23.120.736.250	75,90%
6	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	23.311.775.076	15.833.973.958	67,90%
7	Bệnh viện Chợ Rẫy	16.444.567.580	11.169.460.561	67,90%

TT	Đơn vị quản lý / BVTW	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Giá trị thực hiện (VNĐ)	Tỉ lệ thực hiện đến 31/12/2021 (%)
5	Bệnh viện Trung ương Huế	30.443.030.900	23.120.736.250	75,90%
6	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	23.311.775.076	15.833.973.958	67,90%
7	Bệnh viện Chợ Rẫy	16.444.567.580	11.169.460.561	67,90%
8	Bệnh viện Phổi Trung ương	16.444.567.580	11.169.460.561	67,90%
9	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	13.293.563.900	8.246.027.800	62,00%
10	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	11.541.388.800	1.997.419.300	17,30%
11	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	11.541.388.800	1.997.419.300	17,30%
12	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	8.522.907.590	4.586.913.593	53,80%
13	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	7.856.542.522	5.361.827.222	68,20%

E *Khut* *TMM*